

TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG

NĂM HỌC: 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

MÔN SINH HỌC - LỚP 11

A. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Hình thức kiểm tra: 100% trắc nghiệm.
2. Thời gian làm bài 45 phút (Tính luôn thời gian phát đề)- Các lớp kiểm tra tại lớp : 45 phút
3. Số câu: 40 câu (mỗi câu 0,25 điểm) – Theo 4 mức độ
(Nhận biết: 4,0đ ; Thông hiểu: 3,0đ ; Vận dụng: 2,0đ ; Vận dụng cao: 1,0đ)

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

2. Bài 14, 15: Khái quát về cảm ứng ở sinh vật & cảm ứng ở thực vật
3. Bài 17: Cảm ứng ở động vật
4. Bài 18: Tập tính ở động vật
5. Bài 19,20: Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật và thực vật
6. Bài 21: Sinh trưởng và phát triển ở động vật

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

MỨC 1

Câu 1. Ứng động khác cơ bản với hướng động ở đặc điểm nào?

- A.** Tác nhân kích thích không định hướng. **B.** Có sự vận động vô hướng.
C. Không liên quan đến sự phân chia tế bào. **D.** Có nhiều tác nhân kích thích.

Câu 2. Khi nói về tính hướng của rễ cây, kết luận nào sau đây đúng?

- A.** Hướng đất dương, hướng sáng âm. **B.** Hướng đất âm, hướng sáng dương.
C. Hướng đất âm, hướng sáng âm. **D.** Hướng đất dương, hướng sáng dương.

Câu 3. Khi nói về tính hướng của thân cây, kết luận nào sau đây đúng?

- A.** Hướng đất dương, hướng sáng âm. **B.** Hướng đất âm, hướng sáng dương.
C. Hướng đất âm, hướng sáng âm. **D.** Hướng đất dương, hướng sáng dương.

Câu 4. Nhân tố chủ yếu làm cây vận động theo chu kì đồng hồ sinh học là

- A.** ánh sáng và các hoocmon thực vật.
B. sự hút nước và thoát nước của cây.
C. áp suất thẩm thấu của nồng độ dịch bào.
D. sự thay đổi điện màng thông qua các ion K^+ và Na^+ .

Câu 5. Trồng cây trong một hộp kín có khoét một lỗ tròn. Sau thời gian ngọn cây mọc vươn về phía ánh sáng. Đây là thí nghiệm chứng minh loại hướng động nào?

- A.** Hướng sáng. **B.** Hướng sáng âm.
C. Hướng sáng âm. **D.** Hướng sáng và hướng gió.

Câu 6. Auxin hoạt động theo cơ chế nào mà khi đặt cây nằm ngang, sau đó rễ cây hướng đất dương?

- A.** Do tác động của trọng lực, auxin buộc rễ cây phải hướng đất.
B. Auxin có khối lượng rất nặng, chìm xuống mặt dưới của rễ, kích thích tế bào phân chia mạnh, làm rễ cong hướng xuống đất.
C. Auxin tập trung ở mặt trên, ức chế các tế bào mặt trên sinh sản, làm rễ hướng đất.
D. Auxin ở mặt trên rễ ít, kích thích tế bào phân chia và lớn lên làm rễ uốn cong theo chiều hướng đất.

Câu 7. Cây non mọc thẳng, cây khỏe, lá xanh lục do điều kiện chiếu sáng như thế nào?

- A. Chiếu sáng từ hai hướng.
- B. Chiếu sáng từ ba hướng
- C. Chiếu sáng từ một hướng.
- D. Chiếu sáng từ nhiều hướng.

Câu 8. Đặc điểm nào đúng khi nói về tính hướng sáng của thực vật?

- A. Rễ cây hướng tránh nguồn ánh sáng, thân cây hướng theo chiều ngược lại.
- B. Rễ cây hướng vào lòng đất nơi có nguồn phân bón, thân cây hướng về ánh sáng.
- C. Rễ cây hướng vào lòng đất nơi có nguồn nước, ngọn cây thì hướng về phía ánh sáng.
- D. Rễ cây hướng vào lòng đất, thân cây thì hướng ngược lại.

Câu 9. Khi nói về cảm ứng ở thực vật, phản ứng nào sau đây được gọi là hướng động ?

- A. Bắt côn trùng của cây nắp ấm.
- B. Vận động nở hoa của cây hoa hướng dương.
- C. Ngọn cây hướng về phía có ánh sáng .
- D. Vận động cuộn lá của cây trinh nữ.

Câu 10. Khi nói về đặc điểm của cảm ứng ở thực vật, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Phản ứng nhanh, hình thức đa dạng, dễ nhận thấy.
- B. Phản ứng nhanh, hình thức đa dạng, khó nhận thấy.
- C. Phản ứng chậm, hình thức ít đa dạng, dễ nhận thấy.
- D. Phản ứng chậm, hình thức ít đa dạng, khó nhận thấy.

Câu 11. Ứng động nào của thực vật không theo chu kì đồng hồ sinh học?

- A. Cây họ đậu mở lá vào buổi sáng và xếp lá vào lúc mặt trời lặn.
- B. Hoa mười giờ, hoa quỳnh nở vào thời điểm nhất định.
- C. Lá cây trinh nữ có vận động cuộn lá khi bị va chạm mạnh.
- D. Vận động quấn vòng.

Câu 12. Khi nhận xét về tính cảm ứng của thực vật và của động vật, phát biểu nào sau đây *sai*?

- A. Cảm ứng của thực vật thường diễn ra chậm.
- B. Cảm ứng của thực vật biểu hiện chủ yếu bằng các cử động dinh dưỡng hoặc sinh trưởng.
- C. Cảm ứng của động vật diễn ra nhanh hơn của thực vật.
- D. Tất cả cảm ứng của động vật còn gọi là phản xạ.

Câu 13. Hướng động có đặc điểm gì khác so với ứng động ở thực vật?

- A. Có nhiều tác nhân kích thích từ môi trường.
- B. Liên quan đến sự phân chia tế bào.
- C. Phản ứng của cây với tác nhân kích thích từ 1 hướng xác định.
- D. Phản ứng của cây với tác nhân kích thích của môi trường.

Câu 14. Cảm ứng ở động vật là ?

A. Phản ứng lại các kích thích của một số tác nhân môi trường sống đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.

B. Phản ứng lại các kích thích của môi trường sống, đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển.

C. Phản ứng lại các kích thích định hướng của môi trường sống đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển

D. Phản ứng lại các kích thích vô định hướng của môi trường sống đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển

Câu 15. Tính cảm ứng ở động vật đơn bào xảy ra nhờ đặc điểm bào sau đây?

- A. Trạng thái co rút của nguyên sinh chất.
- B. Hoạt động của hệ thần kinh.
- C. Hoạt động của thể dịch.
- D. Hệ thống nước mô bao quanh tế bào.

Câu 16. Hình thức cảm ứng đơn giản nhất ở động vật là gì?

- A. Di chuyển cơ thể hướng tới hoặc tránh xa kích thích
- B. Co rúm toàn thân
- C. Phản ứng định khu
- D. Phản ứng bằng cơ chế phản xạ

Câu 17. Sự lan truyền của xung thần kinh là sự lan truyền của

- A. điện thế nghỉ
- B. điện thế hoạt động
- C. cả điện thế nghỉ và điện thế hoạt động
- D. các chất hóa học.

Câu 18. Hình thức cảm ứng của hệ động vật có hệ thần kinh được gọi chung là gì?

- A. Tập tính.
- B. Vận động cảm ứng.
- C. Đáp ứng kích thích
- D. Phản xạ.

Câu 19. Sơ đồ mô tả đúng cơ sở thần kinh của tập tính là

- A. kích thích → hệ thần kinh → cơ quan thụ cảm → cơ quan thực hiện → hành động
- B. kích thích → cơ quan thụ cảm → cơ quan thực hiện → hệ thần kinh → hành động
- C. kích thích → cơ quan thực hiện → hệ thần kinh → cơ quan thụ cảm → hành động
- D. kích thích → cơ quan thụ cảm → hệ thần kinh → cơ quan thực hiện → hành động

Câu 20. Cơ sở thần kinh của tập tính là

- A. các phản xạ.
- B. hướng động.
- C. ứng động.
- D. cảm ứng.

Câu 21. Đâu là tập tính hỗn hợp ở động vật?

- A. Nhện chăng tơ.
- B. Khi nhìn thấy đèn giao thông màu đỏ, những người qua đường dừng lại.
- C. Thú con bú sữa mẹ.
- D. Hổ săn mồi.

Câu 22. Tập tính ở động vật được chia thành các loại sau:

- A. bẩm sinh, học được, hỗn hợp.
- B. bẩm sinh, học được.
- C. bẩm sinh, hỗn hợp.
- D. học được, hỗn hợp.

Câu 23. Hươu được quết dịch có mùi đặc biệt tiết ra từ tuyến cạnh mắt của nó vào cành cây để thông báo cho các con đực khác là tập tính:

- A. kiếm ăn.
- B. sinh sản.
- C. di cư.
- D. bảo vệ lãnh thổ.

Câu 24. Sinh trưởng ở thực vật là quá trình gì?

- A. Tăng chiều dài cơ thể.
- B. Tăng về chiều ngang cơ thể.
- C. Tăng về khối lượng cơ thể.
- D. Tăng về khối lượng và kích thước cơ thể.

Câu 25. Quá trình nào sau đây là quá trình sinh trưởng của thực vật?

- A. Cơ thể thực vật ra hoa.
- B. Cơ thể thực vật tạo hạt.
- C. Cơ thể thực vật tăng kích thước.
- D. Cơ thể thực vật rụng lá, hoa.

Câu 26. Loại mô phân sinh nào sau đây không có ở cây một lá mầm?

- A. Mô phân sinh bên.
- B. Mô phân sinh đỉnh cây.
- C. Mô phân sinh lông.
- D. Mô phân sinh đỉnh rễ.

Câu 27. Thực vật Hai lá mầm có các mô phân sinh nào?

- A. Đỉnh và lông.
- B. Đỉnh và bên.
- C. Đỉnh thân và rễ.
- D. Lóng và bên.

Câu 28. Loại mô phân sinh không có ở cây Xoài là mô phân sinh gì?

- A. Lóng.
- B. Đỉnh rễ.
- C. Đỉnh thân.
- D. Bên.

Câu 29. Kết quả sinh trưởng sơ cấp là gì?

- A. Tạo mạch rây thứ cấp, gỗ dác, gỗ lõi.
- B. Làm cho thân, rễ cây dài ra do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.
- C. Tạo lông do hoạt động của mô phân sinh lông.
- D. Tạo biểu bì, tầng sinh mạch, gỗ sơ cấp, mạch rây sơ cấp.

Câu 30. Phát biểu đúng về mô phân sinh bên và mô phân sinh lông là

- A. mô phân sinh bên và mô phân sinh lông có ở thân cây Một lá mầm.
- B. mô phân sinh bên có ở thân cây Một lá mầm, còn mô phân sinh lông có ở thân cây Hai lá mầm.

C. mô phân sinh bên có ở thân cây Hai lá mầm, còn mô phân sinh nòng có ở thân cây Một lá mầm.

D. mô phân sinh bên và mô phân sinh nòng có ở thân cây Hai lá mầm.

Câu 31. Kết quả sinh trưởng thứ cấp là gì?

A. Do hoạt động của mô phân sinh bên, tạo ra gỗ dác, gỗ lõi và vỏ.

B. Làm cho thân, rễ cây dài ra do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

C. Tạo lông do hoạt động của mô phân sinh lông.

D. Tạo biểu bì, tầng sinh mạch, gỗ sơ cấp, mạch rây sơ cấp.

Câu 32. Sinh trưởng thứ cấp của cây thân gỗ nhờ hoạt động của

A. mô phân sinh bên. B. mô phân sinh đỉnh. C. mô phân sinh lông.

D. phần gỗ và vỏ

Câu 33. Loại hormone nào sau đây có tác dụng ức chế sự sinh trưởng tự nhiên của thực vật?

A. Axit giberelic.

B. Absciscic acid

C. Cytokinin.

D. AIA.

Câu 34. Hormone nào điều hoà sinh trưởng làm chậm sự hoá già của cây?

A. Ethylene.

B. Cytokinin.

C. Gibberellin .

D. Absciscic acid

Câu 35. Nhóm chất điều hoà sinh trưởng nào chi phối sự hình thành cơ quan sinh dưỡng và chiếm ưu thế trong giai đoạn sinh dưỡng?

A. Auxin, Cytokinin, Gibberellin .

B. Auxin, Gibberellin, Ethylene.

C. Cytokinin, Gibberellin , Absciscic acid. D. Auxin, Cytokinin, Ethylene.

Câu 36. Hormone thực vật là những chất hữu cơ do cơ thể thực vật tiết ra có tác dụng gì?

A. Kích thích sinh trưởng của cây. B. Ức chế hoạt động của cây.

C. Tác dụng kháng bệnh cho cây.

D. Điều tiết hoạt động của cây.

Câu 37. Đặc điểm nào sau đây không phải của hormone thực vật?

A. Hình thành ở một nơi, có thể phản ứng ở một nơi khác trong cây.

B. Có tính chuyên hóa cao.

C. Tính chuyên hóa thấp hơn so với hormone ở động vật bậc cao.

D. Có khả năng gây biến đổi mạnh.

Câu 38. Ở thực vật, Gibberellin không có tác dụng gì?

A. Tăng tốc độ phân giải tinh bột.

B. Kích thích nảy mầm của hạt, chồi.

C. Kích thích sinh trưởng chiều cao của cây.

D. Kích thích ra rễ phụ.

Câu 39. Ở thực vật, Ethylene có tác dụng gì?

A. Làm chậm quá trình già của tế bào.

B. Kích thích nảy mầm của hạt.

C. Thúc quả chóng chín, rụng lá.

D. Kích thích ra rễ phụ.

Câu 40. Khi cây đã già thì lượng chất nào sau đây sẽ tăng?

A. AIA.

B. Ethylene.

C. Cytokinin.

D. GA.

Câu 41. Ở thực vật, Cytokinin có tác dụng gì?

A. Kích thích phát triển chồi bên, làm tăng sự hóa già của tế bào.

B. Kích thích phát triển chồi bên, làm chậm sự hóa già của tế bào.

C. Làm chậm sự phát triển của chồi bên, làm chậm sự hóa già của tế bào.

D. Làm chậm sự phát triển của chồi bên, làm tăng sự hóa già của tế bào.

Câu 42. Cây như thế nào gọi là cây ngày dài?

A. Chỉ ra hoa khi độ dài của ngày lớn hơn đêm.

B. Chỉ ra hoa khi độ dài của ngày ít nhất bằng 14 giờ.

C. Chỉ ra hoa khi độ dài của ngày ít nhất bằng 13 giờ 30 phút.

D. Chỉ ra hoa khi độ dài của ngày ít nhất bằng 14 giờ.

Câu 43. Ở điều kiện quang chu kì thích hợp, cơ quan nào của thực vật sinh ra hormone ra hoa?

A. Thân.

B. Lá.

C. Rễ.

D. Hoa.

Câu 44. Sinh trưởng của cơ thể động vật là gì?

A. Quá trình tăng kích thước của các hệ cơ quan trong cơ thể.

B. Quá trình tăng kích thước của cơ thể do tăng kích thước và số lượng của tế bào.

C. Quá trình tăng kích thước của các mô trong cơ thể.

D. Quá trình tăng kích thước của các cơ quan trong cơ thể.

Câu 45. Phát triển của cơ thể động vật diễn ra như thế nào?

A. Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.

B. Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng và phân hoá tế bào

C. Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, phân hoá tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.

D. Các quá trình liên quan mật thiết với nhau là phân hoá tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.

Câu 46. Sinh trưởng và phát triển của chim bồ câu diễn ra như thế nào?

A. Bắt đầu từ khi trứng nở đến khi chim trưởng thành và sinh sản được

B. Bắt đầu từ khi trứng nở ra đến khi già và chết

C. Bắt đầu từ lúc trứng được thụ tinh và kéo dài đến lúc chim trưởng thành

D. Bắt đầu từ hợp tử, diễn ra trong trứng và sau khi trứng nở, kết thúc khi già và chết.

Câu 47. Sinh trưởng và phát triển của thằn lằn diễn ra như thế nào?

A. Bắt đầu từ khi trứng nở đến khi thằn lằn trưởng thành và sinh sản được.

B. Bắt đầu từ hợp tử, diễn ra trong trứng và sau khi trứng nở, kết thúc khi già và chết.

C. Bắt đầu từ lúc trứng được thụ tinh và kéo dài đến lúc thằn lằn trưởng thành.

D. Bắt đầu từ khi trứng nở ra đến khi già và chết.

Câu 48. Khi nuôi lợn ỉ, nên xuất chuồng lúc chúng đạt khối lượng 50 – 60 kg. vì sao?

A. Đó là cỡ lớn nhất của chúng.

B. Sau giai đoạn này lợn lớn rất chậm.

C. Sau giai đoạn này lợn sẽ dễ bị bệnh.

D. Nuôi lâu thịt lợn sẽ không ngon.

Câu 49. Vì sao nuôi cá rô phi nên thu hoạch sau 1 năm mà không để lâu hơn ?

A. Sau 1 năm cá đã đạt kích thước tối đa.

B. Cá nuôi lâu thịt sẽ dai và không ngon.

C. Tốc độ lớn của cá rô phi nhanh nhất ở năm đầu sau đó sẽ giảm.

D. Cá rô phi có tuổi thọ ngắn.

Câu 50. Biến thái ở động vật là gì?

A. Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và từ từ về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

B. Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và đột ngột về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

C. Sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

D. Sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

Câu 51. Sinh trưởng và phát triển của động vật không qua biến thái là kiểu phát triển diễn ra như thế nào?

A. Đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lý tương tự với con trưởng thành.

B. Đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý khác với con trưởng thành

C. Đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý giống với con trưởng thành.

D. Đặc điểm hình thái, cấu tạo giống với con trưởng thành và sinh lý khác với con trưởng thành.

Câu 52. Phát triển không qua biến thái có đặc điểm gì?

A. Không phải qua lột xác.

B. Ấu trùng giống con trưởng thành.

C. Con non khác con trưởng thành.

D. Phải qua một lần lột xác.

Câu 53. Những động vật sinh trưởng và phát triển không qua biến thái gồm những loài nào sau đây?

A. Cá chép, gà, thỏ, khỉ.

B. Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.

C. Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua

D. Châu chấu, ếch, muỗi.

Câu 54. Những động vật nào dưới đây có sinh trưởng và phát triển không qua biến thái?

A. Cánh cam, cào cào, cá chép, chim bồ câu.

B. Bọ rùa, cá chép, châu chấu, gà...

C. Cào cào, rắn, thỏ, mèo...

D. Cá chép, rắn, bồ câu, thỏ...

Câu 55. Sự sinh trưởng của nhóm động vật nào không đặc trưng bởi quá trình nguyên phân?

A. Động vật nguyên sinh.

B. Động vật có xương sống.

C. Động vật không xương sống.

D. Động vật có biến thái không hoàn toàn.

Câu 56. Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn như thế nào?

A. Trường hợp ấu trùng phát triển hoàn thiện, trải qua nhiều lần biến đổi nó biến thành con trưởng thành

B. Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần biến đổi nó biến thành con trưởng thành.

C. Trường hợp ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác nó biến thành con trưởng thành

D. Trường hợp ấu trùng phát triển hoàn thiện, trải qua nhiều lần lột xác nó biến thành con trưởng thành

Câu 57. Những động vật sinh trưởng và phát triển thông qua biến thái không hoàn toàn gồm những loài nào?

A. Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua.

B. Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.

C. Châu chấu, ếch, muỗi.

D. Cá chép, gà, thỏ, khỉ.

Câu 58. Phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà con non có đặc điểm như thế nào?

A. Đặc điểm hình thái, sinh lý rất khác với con trưởng thành

B. Đặc điểm hình thái, cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý

C. Đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành.

D. Đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.

Câu 59. Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn có đặc điểm như thế nào?

A. Trường hợp ấu trùng có đặc điểm hình thái, sinh lý rất khác với con trưởng thành.

B. Trường hợp con non có đặc điểm hình thái, cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý

C. Trường hợp con non có đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành.

D. Trường hợp con non có đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành.

Câu 60. Những động vật nào sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn?

A. Cá chép, gà, thỏ, khỉ.

B. Cánh cam, bọ rùa, bướm, ruồi.

C. Bọ ngựa, cào cào, tôm, cua.

D. Châu chấu, ếch, muỗi.

Câu 61. Sinh trưởng phát triển có biến thái không hoàn toàn sai khác cơ bản với kiểu sinh trưởng phát triển không qua biến thái chỗ nào?

A. Có giai đoạn con non dài hơn giai đoạn trưởng thành.

B. Có hình thái cấu tạo của con non khác với con trưởng thành.

C. Chịu ảnh hưởng rõ rệt của hormone.

D. Trải qua nhiều lần lột xác mới trở thành cơ thể trưởng thành.

Câu 62. Những yếu tố nào sau đây là yếu tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật?

A. Yếu tố di truyền, các hormone.

B. Yếu tố thức ăn, di truyền, giới.

C. Yếu tố di truyền, nhiệt độ, thức ăn.

D. Các hormone, ánh sáng, nhiệt độ

Câu 63. Sự sinh trưởng của động vật có xương sống được điều hòa bởi các hormone nào?

A. Thyroxine.

B. Estrogen và Testosterone .

C. GH.

D. Tất cả các hormone trên.

Câu 64. Nói về hormone sinh trưởng GH, phát biểu nào sau đúng ?

A. Nó được tiết ra bởi tuyến giáp.

B. Chỉ có tác dụng đối với sự sinh trưởng và phát triển của người mà không có vai trò đối với loài khác.

C. Tác động chủ yếu vào quá trình tổng hợp lipid.

D. Kích thích sự phát triển của xương.

MỨC 2

Câu 65. Phát biểu nào sau đây đúng về cảm ứng ở sinh vật?

A. Cảm ứng là sự tiếp nhận và phản ứng của sinh vật đối với những thay đổi của môi trường.

B. Đảm bảo trước điều kiện với môi trường sống.

C. Cảm ứng là sự tiếp nhận kích thích của sinh vật đối với những thay đổi của môi trường.

D. Cảm ứng là phản ứng của sinh vật đối với những thay đổi của môi trường.

Câu 66. Thân và rễ của cây có kiểu hướng động như thế nào?

A. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực dương.

B. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực âm, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương.

C. Thân hướng sáng âm và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng dương và hướng trọng lực âm.

D. Thân hướng sáng dương và hướng trọng lực dương, còn rễ hướng sáng âm và hướng trọng lực dương.

Câu 67. Một cung phản xạ diễn ra theo trật tự nào?

A. Cơ, tuyến → thụ quan hoặc cơ quan thụ cảm → Hệ thần kinh

B. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → cơ, tuyến → hệ thần kinh

C. Hệ thần kinh → thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → cơ, tuyến

D. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm → hệ thần kinh → cơ tuyến.

Câu 68. So sánh tốc độ dẫn truyền của sợi thần kinh có và không có bao myelin dưới đây, nhận định nào là chính xác?

A. Tốc độ dẫn truyền của sợi thần kinh có bao myelin so với sợi thần kinh không có bao myelin tùy thuộc vào vị trí tế bào thần kinh trong hệ thần kinh.

B. Tốc độ dẫn truyền của sợi thần kinh có bao myelin chậm hơn sợi thần kinh không có bao myelin.

C. Tốc độ dẫn truyền của sợi thần kinh có bao myelin nhanh hơn sợi thần kinh không có bao myelin.

D. Tốc độ dẫn truyền của sợi thần kinh có bao myelin bằng sợi thần kinh không có bao myelin.

Câu 69. Xét các trường hợp sau :

(1) Mọi kích thích đều làm xuất hiện tập tính

(2) Không phải bất kỳ kích thích nào cũng làm xuất hiện tập tính

(3) Kích thích càng mạnh càng dễ làm xuất hiện tập tính

(4) Kích thích càng lặp lại càng dễ làm xuất hiện tập tính

Có bao nhiêu trường hợp trên đây đúng về mối liên hệ giữa kích thích và sự xuất hiện tập tính ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 70. Xét các tập tính sau :

(1) người thấy đèn đỏ thì dừng lại

(2) Chuột chạy khi nghe tiếng mèo kêu

(3) Ve kêu vào mùa hè

(4) Học sinh nghe kể chuyện cảm động thì khóc

(5)Ếch đực kêu vào mùa sinh sản

Trong các trường hợp trên, những tập tính bẩm sinh là

A. (2) và (5) B. (3) và (5)

C. (3) và (4) D. (4) và (5)

Câu 71. Trong đời sống, việc sản xuất giá để ăn, làm mạch nha đã ứng dụng giai đoạn nào trong chu kì sinh trưởng và phát triển của thực vật?

A. Giai đoạn nảy mầm. B. Giai đoạn mọc lá, sinh trưởng mạnh.

C. Giai đoạn ra hoa. D. Giai đoạn tạo quả chín.

Câu 72. Trong nghề trồng dưa, khi cây đã ra quả và quả đã phát triển hoàn chỉnh, muốn quả dưa chín sớm, thì cần bổ sung cho cây chất điều hòa sinh trưởng nào sau đây?

A. Auxin. B. Ethylene. C. Absciscic acid D. Gibberellin .

Câu 73. Auxin được sử dụng nhiều trong sản xuất nông nghiệp . Tuy nhiên, nếu sử dụng auxin để phun lên rau, củ thì sẽ gây độc cho cơ thể. Nguyên nhân là vì:

A. Auxin nhân tạo làm gia tăng vì sinh vật gây bệnh

B. Auxin nhân tạo không có enzyme phân giải

C. Auxin nhân tạo làm ảnh hưởng đến hoạt động hô hấp của cơ thể

D. Auxin nhân tạo làm rối loạn chuyển hóa trong tế bào

Câu 74. Theo quang chu kì, cây ra hoa vào mùa thu là cây gì?

A. Ngày dài. B. Chịu lạnh. C. Trung tính. D. Ngày ngắn.

Câu 75. Dựa trên hình và kiến thức về mô phân sinh ở thực vật. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Mô phân sinh đỉnh: có ở đầu ngọn thân, ngọn cành, chồi nách, chóp rễ.

II. Mô phân sinh bên: nằm ở phần vỏ và trụ của thân, rễ của cây một lá mầm.

III. Mô phân sinh lông: nằm ở gốc của lông. Sự hoạt động của mô phân sinh lông giúp lông cây dài ra và sẽ ngừng hoạt động khi lông đạt đến kích thước tối đa.

IV. Sự hoạt động của mô phân sinh bên giúp cây một lá mầm tăng trưởng theo đường kính của cây.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 76. Khi nói về sinh trưởng thứ cấp, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Sinh trưởng thứ cấp là sự gia tăng về chiều dài của cơ thể thực vật

B. Sinh trưởng thứ cấp là do hoạt động của mô phân sinh bên

C. Sinh trưởng thứ cấp có ở tất cả các loài thực vật hạt kín

D. Sinh trưởng thứ cấp chỉ có ở thực vật một lá mầm

Câu 77. Khi nói về vai trò điều tiết quá trình sinh trưởng và phát triển của hormone thực vật, phát biểu nào sau đây là sai?

A. Sự phân hóa giới tính của hoa liên quan đến hàm lượng hormone trong cây.

B. Ở cây non nhiều rễ phụ thì đa phần sẽ phát triển thành cây đực.

C. Cây có ít rễ và nhiều lá, có sự cân bằng hormone thì tỷ lệ hoa đực và hoa cái bằng nhau, giới tính đực cái cũng ở trạng thái cân bằng.

D. Cây có nhiều rễ và ít lá, có sự cân bằng hormone thì tỷ lệ hoa đực bằng hoa cái, giới tính đực cái cũng ở trạng thái cân bằng.

Câu 78. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về hormone auxin (IAA) ở thực vật?

I. Tác động sinh lý làm tăng chiều dài của thân và lông.

II. Vận chuyển hướng gốc đến rễ theo mạch rây.

III. Dùng để kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỉ lệ thụ quả (cà chua), tạo quả không hạt.

IV. Nơi sinh ra: Các cơ quan đang sinh trưởng mạnh.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 79. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về hormone gibberellin (GA) ở thực vật?



I. Nơi sinh ra: Các cơ quan đang sinh trưởng.

II. Vận chuyển đến: hướng ngọn và hướng gốc theo mạch gỗ và mạch rây.

III. Thúc đẩy sự chín quả, kích thích sự rụng lá, hoa, quả.

IV. Kích thích nảy mầm, kích thích chiều cao sinh trưởng của cây lấy sợi; tạo quả nhỏ không hạt...

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 80. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở thực vật?

I. Xảy ra tại một số vị trí, cơ quan trên cơ thể thực vật.

II. Diễn ra trong một giai đoạn nhất định của đời sống của thực vật.

III. Đây là hình thức sinh trưởng có giới hạn.

IV. Đây là hình thức sinh trưởng biểu hiện bằng sự gia tăng kích thước, sự xuất hiện và thay mới của các cơ quan như cành, lá, rễ, hoa, quả, ...

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 81. Nhận xét nào dưới đây là sai về sinh trưởng và phát triển ở động vật?

A. Sự phát triển của động vật bao gồm ba quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, biệt hóa tế bào và phát sinh hình thái.

B. Cơ thể động vật được hình thành do kết quả của quá trình phân hóa của hợp tử.

C. Đặc điểm của quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật thay đổi tùy theo điều kiện sống của chúng.

D. Sự sinh trưởng là sự gia tăng kích thước cũng như khối lượng cơ thể động vật theo thời gian.

Câu 82. Nhận xét nào dưới đây về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển của cơ thể sống là Sai?

A. Sự sinh trưởng tạo tiền đề cho sự phát triển.

B. Tốc độ sinh trưởng diễn ra không đồng đều ở các giai đoạn phát triển khác nhau.

C. Ba giai đoạn sinh trưởng và phát triển chính là giai đoạn hợp tử, giai đoạn phôi và giai đoạn hậu phôi.

D. Sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể luôn liên quan mật thiết với nhau, đan xen lẫn nhau và luôn luôn liên quan đến môi trường sống.

Câu 83. Nói về hormone sinh trưởng GH điều nào không đúng ?

A. Nó được tiết ra bởi tuyến yên.

B. Chỉ có tác dụng đối với sự sinh trưởng và phát triển của người mà không có vai trò đối với loài khác.

C. Tác động chủ yếu vào quá trình tổng hợp protein.

D. Kích thích sự phát triển của xương.

Câu 84. Không dùng muối iodine cho trẻ em khi có biểu hiện như thế nào?

A. Bướu cổ kèm trí tuệ suy giảm.

B. Chậm lớn, thân nhiệt thấp, nhịp tim chậm.

C. Bướu cổ, mắt lồi, run chân tay.

D. Chi ngắn (thấp, lùn) kèm theo đần độn và phù nề.

Câu 85. Cắt bỏ tuyến giáp của nòng nọc sẽ gây hậu quả gì ?

A. Nòng nọc không lớn lên được.

B. Nòng nọc không hình thành đuôi.

C. Nòng nọc có kích thước khổng lồ nhưng không phát triển thành ếch được.

D. Nòng nọc còn nhỏ nhưng đã có hình dạng của ếch.

Câu 86. Khi thức ăn, nước uống bị thiếu iodine thì trẻ em sẽ có biểu hiện?

A. Chậm lớn, trí tuệ thấp, chịu lạnh kém, bướu cổ.

B. Thờ dờn dập, mắt lồi, trí thông minh kém.

C. Lớn nhanh, trí thông minh bình thường

D. Bệnh khổng lồ, trí tuệ kém.

Câu 87. Nếu tuyến yên sản sinh ra quá ít hoặc quá nhiều hormone sinh trưởng ở giai đoạn trẻ em sẽ dẫn đến hậu quả gì?

A. Chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.

B. Các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.

C. Người bé nhỏ hoặc khổng lồ.

D. Các đặc điểm sinh dục nam kém phát triển.

Câu 88. Có bao nhiêu phương án sai khi nói về điểm giống nhau giữa sinh trưởng, phát triển qua biến thái hoàn toàn và biến thái không hoàn toàn ?

- I. Ấu trùng qua nhiều lần lột xác biến đổi thành con trưởng thành.
- II. Ấu trùng có hình dạng, cấu tạo gần giống con trưởng thành.
- III. Ấu trùng có hình dạng, cấu tạo khác với con trưởng thành.
- IV. Ấu trùng biến đổi thành con trưởng thành không qua lột xác.

A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

Câu 89. Dựa trên các đặc điểm của sinh trưởng và phát triển của động vật. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Các phần khác nhau của cơ thể động vật có tốc độ sinh trưởng không giống nhau.
- II. Các loài khác nhau có tốc độ và giới hạn sinh trưởng khác nhau,
- III. Sự phát triển của các cơ quan, hệ cơ ở giai đoạn phôi thai trên một cơ thể là giống nhau.
- IV. Cơ thể động vật sinh trưởng với tốc độ không đều có giai đoạn diễn ra nhanh, có giai đoạn diễn ra chậm.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 90. Dựa trên các đặc điểm các giai đoạn của sinh trưởng và phát triển của động vật. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Động vật đẻ trứng: hợp tử → trưởng thành qua 2 giai đoạn phôi và giai đoạn hậu phôi.
- II. Động vật đẻ con: hợp tử → trưởng thành qua 2 giai đoạn giai đoạn phôi thai (phôi) và giai đoạn sau sinh (hậu phôi).
- III. Giai đoạn phôi chỉ diễn ra bên trong cơ thể mẹ.
- IV. Giai đoạn phôi trải qua từ khi con non đến trưởng thành.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 91. Dựa trên các đặc điểm các giai đoạn của sinh trưởng và phát triển của động vật. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Giai đoạn phôi chỉ diễn ra bên ngoài cơ thể mẹ đối với động vật thụ tinh ngoài.
- II. Ở người, sự phát triển từ con non đến trưởng thành qua biến thái không hoàn toàn.
- III. Quá trình phát triển của động vật có thể trải qua: Biến thái (hoàn toàn và không HT) và không qua biến thái.
- IV. Giai đoạn hậu phôi: từ con non (nở từ trứng/mới sinh) → thành con trưởng thành.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

MỨC 3

Câu 92. Con người ứng dụng các kiểu của hướng động vào trong trồng trọt để làm gì?

- I. Trồng cây ở mật độ thích hợp để tiếp nhận ánh sáng tốt nhất.
 - II. Cung cấp nước đầy đủ và hợp lí.
 - III. Làm đất tơi xốp, thoáng khí đủ ẩm rễ cây sinh trưởng ăn sâu.
 - IV. Bón thật nhiều phân đạm để cây sinh trưởng, phát triển tốt.
- Số phát biểu đúng?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 93. Con người vận dụng ứng động vào trong sản xuất trồng trọt để làm gì?

- I. Điều khiển sự nở hoa vào các thời gian mong muốn của con người.
 - II. Giữ không để chồi mọc mầm ở củ, ở thân dùng để ăn.
 - III. Dùng tác nhân kích thích để đánh thức chồi, của hạt.
 - IV. Điều khiển lá xòe hay khép theo ý muốn của con người.
- Số phát biểu đúng?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 94. Ý nào không đúng với đặc điểm phản xạ có điều kiện?

- A. Được hình thành trong quá trình, sống và không bền vững.
- B. Không di truyền được, mang tính cá thể.
- C. Có số lượng hạn chế.
- D. Thường do vỏ não điều khiển.

Câu 95. Cung phản xạ "co ngón tay của người" thực hiện theo trật tự nào?

A. Thụ quan đau ở da → Sợi vận động của dây thần kinh tủy → Tủy sống → Sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → Các cơ ngón tay.

B. Thụ quan đau ở da → Sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → Tủy sống → Các cơ ngón tay.

C. Thụ quan đau ở da → Sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → Tủy sống → Sợi vận động của dây thần kinh tủy → Các cơ ngón tay.

D. Thụ quan đau ở da → Tủy sống → Sợi vận động của dây thần kinh tủy → Các cơ ngón tay.

Câu 96. Đến thời kì sinh sản, con cái đào một cái hố trên mặt đất để làm tổ rồi bay đi bắt một con sâu bướm, đốt cho sâu bị tê liệt, rồi bỏ vào tổ. Tiếp đó, chúng đẻ trứng vào tổ và bịt tổ lại. Tập tính này có ở loài nào sau đây?

A. Tò vò.

B. Ong thợ.

C. Kiến.

D. Con mối.

Câu 97. Nếu thả một hòn đá nhỏ bên cạnh con rùa, rùa sẽ rút đầu và chân vào mai. Lặp lại hành động đó nhiều lần thì rùa sẽ không rút đầu và chân vào mai nữa. Đây là ví dụ về hình thức học tập:

A. in vết.

B. quen nhờn.

C. điều kiện hoá đáp ứng.

D. học ngầm.

Câu 98. Ở điều kiện chiếu sáng 16 giờ mỗi ngày, lúa mì và đậu hà lan ra hoa, còn cúc không ra hoa. Nếu chiếu sáng 9 giờ mỗi ngày thì đậu hà lan ra hoa, còn lúa mì không ra hoa. Kết luận nào sau đây đúng?

A. Lúa mì là cây ngày dài, đậu hà lan và cúc là cây ngày ngắn.

B. Lúa mì là cây ngày dài, đậu hà lan là cây trung tính, cúc là cây ngày ngắn.

C. Lúa mì là cây ngày dài, đậu hà lan là cây ngày ngắn, cúc là cây trung tính.

D. Lúa mì và đậu hà lan là cây ngày dài, còn cúc là cây ngày ngắn.

Câu 99. Khi nói về sự phát triển của động vật, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Quá trình phân chia tế bào sinh dưỡng làm tăng trưởng các bộ phận cơ quan của cơ thể.

B. Quá trình biến đổi bao gồm sinh trưởng, phân hóa (biệt hóa) tế bào và phát sinh các cơ quan và cơ thể.

C. Quá trình sinh sản, làm tăng số lượng các thể trong quá trình ngày càng nhiều.

D. Giai đoạn cơ thể phát dục, có khả năng sinh sản.

Câu 100. Người ta tiến hành thí nghiệm cắt hai đỉnh của hai cây hướng dương, sau đó bôi một lớp bột chứa auxin (AIA) lên vết cắt của một trong hai cây. Quan sát sự sinh trưởng, phát triển của 2 cây trong một thời gian. Cho biết các chỉ tiêu sinh lí và điều kiện ngoại cảnh khác của hai cây trên là giống nhau. Chỉ ra phát biểu sai về thí nghiệm trên?

A. Cây được bôi một lớp chứa AIA có tạo chồi bên.

B. Hai cây có số lượng chồi bên nhiều.

C. AIA là một loại chất kích thích sinh trưởng.

D. Trong thí nghiệm trên việc cắt đỉnh của cây hướng dương nhằm mục đích loại bỏ nguồn sản xuất auxin.

Câu 101. Trong trồng trọt, gibêrelin được dùng để làm gì?

A. Làm giảm độ nảy mầm của hạt, chồi, củ, kích thích sinh trưởng chiều cao của cây, tạo quả không hạt

B. Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây và phát triển bộ rễ, tạo quả không hạt

C. Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây, tạo quả không hạt.

D. Kích thích nảy mầm của hạt, chồi, củ, sinh trưởng chiều cao của cây, phát triển bộ lá, tạo quả không hạt

Câu 102. Người ta sử dụng auxin tự nhiên (AIA) và auxin nhân tạo (ANA, AIB) nhằm mục đích gì?

A. Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, hạn chế tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

B. Kích thích ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

C. Hạn chế ra rễ ở cành giâm, cành chiết, tăng tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

D. Hạn chế ra rễ ở cành giâm, cành chiết, hạn chế tỷ lệ thụ quả, tạo quả không hạt, nuôi cấy mô và tế bào thực vật, diệt cỏ.

Câu 103. Testosterone có vai trò gì?

A. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực

B. Kích thích chuyển hoá ở tế bào và sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể.

C. Tăng cường quá trình sinh tổng hợp prôtêin, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể.

D. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái.

Câu 104. Để nuôi gà trống thịt người ta thường “thiến” (cắt bỏ tinh hoàn) chúng ở giai đoạn còn non nhằm mục đích gì?

A. Ngăn chúng không đi theo con mái nhà hàng xóm.

B. Không cho chúng đập mái đẻ gà mái đẻ nhiều trứng hơn.

C. Giảm tiêu tốn thức ăn cho chúng.

D. Làm cho chúng lớn nhanh và mập lên.

Câu 105. Để tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng tới quá trình biến thái của ếch, người ta làm thí nghiệm cho thêm hormone thyroxine của tuyến giáp vào môi trường nuôi nòng nọc thì thấy những con nòng nọc này nhanh chóng biến thành những con ếch bé xíu. Có thể kết luận là

A. Hormone tuyến giáp có tác dụng thúc đẩy sự phân bào.

B. Hormone tuyến giáp có tác dụng kích thích sự rụng trứng ở nòng nọc.

C. Thyroxine là hormone kích thích biến thái ở nòng nọc.

D. Thyroxine kích thích quá trình lột xác.

Câu 106. Ở trẻ em, hiện tượng thiếu năng tuyến giáp thường dẫn đến những hậu quả nào dưới đây?

I. Trẻ mới sinh thiếu thyroxine sẽ dẫn tới chậm phát triển trí tuệ (đần độn).

II. Chậm lớn (hoặc ngừng lớn), chịu lạnh kém.

III. Vàng da kéo dài, nước tiểu, mồ hôi có màu vàng.

IV. Không hình thành các đặc điểm sinh dục phụ thứ cấp.

A. I; II.

B. III; IV.

C. II; III.

D. IV; I.

MỨC 4

Câu 107. Có bao nhiêu nhận định đúng về “Hiện tượng ngừng sinh trưởng của chồi vào mùa đông ở cây phượng”?

I. Đây là kiểu ứng động không sinh trưởng.

II. Đây là kiểu ứng động liên quan đến lớn điều tiết hormone.

III. Đây là phản ứng thích nghi của cây trước điều kiện về ánh sáng môi trường.

IV. Đây là phản ứng thích nghi của cây trước điều kiện về nhiệt độ môi trường.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 108. Hệ thần kinh lưới gặp ở động vật có cơ thể đối xứng toả tròn như động vật ngành Ruột khoang. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Các tế bào thần kinh phân bố khắp cơ thể thành dạng lưới.

II. Hình thức phản ứng là co rút toàn thân khi chỉ cần kích thích 1 điểm.

III. Mức độ chính xác cao hơn động vật chưa có tổ chức thần kinh

IV. Hệ thần kinh dạng lưới được cấu tạo từ 2 phần rõ rệt : thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên.

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 109. Người ta làm thí nghiệm nuôi các chim non trong một vùng rộng lớn mà không có chim bố mẹ. Đến khi trưởng thành, các chim con cũng tha rác và có vẻ một chỗ nhưng chúng không làm được to. Điều này chứng tỏ

A. sự chăm sóc của con người đã làm mất bản năng làm tổ ở chim.

B. tập tính làm tổ được hình thành qua quá trình học tập.

C. tập tính làm tổ vừa mang tính bẩm sinh, vừa phải học tập.

D. chỉ những cá thể đã qua sinh sản mới biết làm tổ.

Câu 110. Loài chim nào có tập tính đẻ trứng vào tổ của các loài chim khác và nhờ ấp hộ; chúng luôn tạo ra quả trứng sẫm màu, có nhiều hoa văn và kích cỡ của trứng lớn hơn so với các quả trứng của loài chim ấp hộ?

- A. Chim chào mào. B. Chim tu hú.
C. Chim sẻ. D. Chim chích bông.

Câu 111. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về nhân tố chi phối quá trình phát triển của thực vật có hoa?

- I. Sự ra hoa của cây hoàn toàn lệ thuộc vào điều kiện môi trường.
II. Thực vật cứ đến độ tuổi xác định thì ra hoa.
III. Thực vật để chuyển sang trạng thái tạo hoa cần có tác động của nhiệt độ thấp.
IV. Hormone ra hoa (florigen) là các chất hữu cơ được hình thành trong lá và được vận chuyển đến các đỉnh sinh trưởng của thân làm cho cây ra hoa.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 112. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về nhân tố chi phối quá trình phát triển của thực vật có hoa?

- I. Thực vật đến độ tuổi xác định, yếu tố môi trường phù hợp thì ra hoa.
II. Hormone ra hoa (florigen) là các chất hữu cơ được hình thành trong lá chi phối ra hoa.
III. Florigen là các chất hữu cơ tổng hợp ở lá đưa đến đỉnh sinh trưởng kích thích cây ra hoa.
IV. Dù có hay không có ánh sáng thì florigen luôn được tổng hợp trong.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 113. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về nhân tố chi phối quá trình phát triển của thực vật có hoa?

- I. Lúa mì, bắp cải, lúa mạch đến tuổi nhưng để ra hoa cần có điều kiện nhiệt độ thấp mới ra hoa.
II. Nhiều loài thực vật, đến tuổi nhưng để ra hoa cần có thời gian chiếu sáng cần thiết mới ra hoa.
III. Đậu tương, vừng, cà phê, cà tím, mía... khi đến tuổi mà thời gian chiếu sáng trong ngày ngắn (ngày < đêm) thì cây không ra hoa.
IV. Hành, cà rốt, lúa mì... khi đến tuổi mà thời gian chiếu sáng trong ngày ngắn (ngày > đêm) thì cây không ra hoa.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 114. Có bao nhiêu ứng dụng trường và phát triển ở thực vật đúng trong đời sống, sản xuất?

- I. Sử dụng hormone (abscisic acid, ethylene) hay các chất ức chế sinh trưởng để duy trì trạng thái ngủ, ức chế sự nảy mầm của hạt, củ giống trong bảo quản.
II. Thúc đẩy nảy mầm bằng cách sử dụng gibberellin.
III. Thúc đẩy nảy mầm bằng cách đặt hạt giống, củ giống trong điều kiện môi trường (nước, ánh sáng, nhiệt độ thích hợp) thuận lợi.
IV. Điều khiển sự ra hoa của thực vật dựa trên các hiểu biết về quang chu kỳ, sự xuân hoá, tương quan dinh dưỡng hay vai trò của các loại hormone,...

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 115. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **sai** về hormone ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của động vật?

- I. Testosterone do buồng trứng tiết ra.
II. Estrogen do tinh hoàn tiết ra.
III. Estrogen kích thích phát triển hệ sinh dục, tính trạng sinh dục phụ thứ cấp ở con đực.
IV. Testosterone kích thích phát triển hệ sinh dục, tính trạng sinh dục phụ thứ cấp ở con cái.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 116. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng** về hormone ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của động vật không xương sống?

- I. Động vật không có xương sống có 4 loại chính ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển.
II. Hormone ecdysone: gây lột xác ở sâu bướm.
III. Hormone juvenile: kích thích sâu biến thành nhộng và bướm.
IV. Hormone juvenile ở nồng độ cao làm ức chế quá trình sâu biến đổi thành nhộng và bướm.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 117. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về những yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của động vật?

I. Thức ăn là yếu tố bên ngoài là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất lên quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật và người.

II. Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn đều cần cho sinh trưởng và phát triển của động vật và người.

III. Nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp ít ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật đẳng nhiệt.

IV. Động vật biến nhiệt chịu ảnh hưởng của nhiệt độ ít hơn so với động vật đẳng nhiệt.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 118. Hệ thần kinh lưới gặp ở động vật có cơ thể đối xứng toả tròn như động vật ngành Ruột khoang. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Các tế bào thần kinh phân bố khắp cơ thể thành dạng lưới.

II. Hình thức phản ứng là co rút toàn thân khi chỉ cần kích thích 1 điểm.

III. Mức độ chính xác cao hơn động vật chưa có tổ chức thần kinh

IV. Hệ thần kinh dạng lưới được cấu tạo từ 2 phần rõ rệt : thần kinh trung ương và thần kinh ngoại biên.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 119. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng** về hormone ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của động vật xương sống và người?

I. Ecdysone kích thích gây biến thái.

II. Testosterone kích thích phát triển cơ bắp và chuyển calcium vào xương.

III. Estrogen có kích thích phát triển hệ sinh dục ở thời kì phôi thai.

IV. Dậy thì chủ yếu là do tác động của tăng testosterone ở nam và tăng estrogen ở nữ.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 120. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng** tuổi dậy thì ở người?

I. Cơ thể phát triển nhanh về chiều cao và cân nặng.

II. Nữ thì hệ thống lông mu, lông nách phát triển, giọng nói trở nên trong trẻo hơn.

III. Ở nam khối lượng cơ tăng nhanh, người nở nang, da thô dày, giọng nói trầm, khàn.

IV. Ở Nam, do tác dụng của hormone testossteron phối hợp với các hormone tăng trưởng khác làm cơ thể phát triển nhanh hơn.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Nguyễn Thị Kiều Linh